

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Rỡ**

2. Ông **Trần Văn Bé Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Đương Văn Nguyễn** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 1 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2022/QĐST - DS ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Phạm Thị Mỹ G – sinh năm: 1998;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

* *Bị đơn:* Cao Minh T - sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh TG.

Chị G có đơn xin vắng mặt;

Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ G trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi và anh T sống chung và cưới nhau từ năm 20016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh TG. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chúng tôi đã ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với chị anh T

- Về con chung: Có 01 con chung, tên là Cao Tiến Đ - sinh ngày 29/01/2016. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung và tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Cao Minh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị G và anh T là có thật, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: cháu Đ đang sống chung với chị G, vì thế, việc chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đ cho chị G nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị. Riêng đối với anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị G, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị G trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị G, từ đó cho thấy anh T không muốn hàn gắn hay níu kéo mối quan hệ vợ chồng với chị G, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị G, cho chị G được ly hôn với anh T

[4] Về con chung: Có 01 con chung, tên là Cao Tiến Đ - sinh ngày 29/01/2016. Chị G yêu cầu được nuôi cháu Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Đ đang sống ổn định với chị G, chị G cũng có kinh tế ổn định, vì thế, việc chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ là có cơ sở. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ G.

1. Về tình cảm: Chị Phạm Thị Mỹ G được ly hôn với anh Cao Minh T

2. Về con chung:

+ Giao cháu Cao Tiến Đ - sinh ngày 29/01/2016 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau
khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Mỹ G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được
khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005367 ngày 11/01/2022 của Chi cục
Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy chị G đã thi hành xong.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ
ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15
ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án
dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận
thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án
theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực
hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, CG, TG
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

